TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 01- 2022
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Thắng
Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị D, sinh năm: 1996; cư trú tại: ấp BD, xã T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Trung Tr, sinh năm: 1996; cư trú tại: Số A, ấp 1, xã TV, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Trần Thị D trình bày tại đơn khởi kiện và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Năm 2019, chị D và anh Nguyễn Trung Tr tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Khi chị D sinh con, anh Tr hay bỏ nhà đi, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Chị D xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Tr.

Về nuôi con chung: Chị D và anh Tr có 01 người con chung là Nguyễn Trần Tường V, sinh ngày 22/11/2019, đang sống với chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh Tr cấp dưỡng cho con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Chị D xác định không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Trung Tr đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa chị D vẫn cương quyết ly hôn với anh Tr và có thay đổi yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Nguyễn Trung Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Năm 2019, chị Trần Thị D và anh Nguyễn Trung Tr tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ.

[3] Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị D trình bày: Do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Khi chị D sinh con, anh Tr hay bỏ nhà đi, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Tại phiên tòa, chị D xác định không còn tình cảm và cương quyết ly hôn với anh Tr. Về phía anh Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án. Cho thấy anh Tr không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị D. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh Tr không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Trung Tr.

[3] *Về con chung*: Chị D và anh Tr có 01 người con chung là Nguyễn Trần Tường V, sinh ngày 22/11/2019, đang sống với chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy cháu V chưa đủ 36 tháng tuổi và đang sống với chị D. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu V cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Tr không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Quá trình giải quyết, chị D yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa, chị D thay đổi yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định. Hội đồng xét xử thấy cần buộc anh Tr cấp dưỡng cho cháu V mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp với nhu cầu hiện nay, nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng cho con. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trường hợp con đã thành niên mà không có khả năng lao động

và không có tài sản để tự nuôi mình thì anh Tr vẫn có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con.

[5] *Về tài sản và nợ chung*: Chị D xác định không có.

[6] *Về án phí*: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị D và Nguyễn Trung Trực.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung Nguyễn Trần Tường V, sinh ngày 22/11/2019 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Anh Tr phải đóng góp nuôi con với chị D số tiền là 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng) cho đến khi cháu Vy thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trường hợp con đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì anh Tr vẫn có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị D xác định không có.

4. Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 14/6/2021, chị D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001158 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Anh Nguyễn Trung Tr phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Thái Hoàng Đắc